

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1298~~ 1298/BTC-THTK

V/v gửi nhận văn bản điện tử từ các đơn vị trong ngành tài chính với trục LTVB quốc gia

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2024

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Triển khai Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, Bộ Tài chính đã thực hiện đăng ký và công bố 37 đơn vị (tại công văn số 14645/BTC-THTK ngày 23/12/2021) và 57 đơn vị (tại công văn số 3930/BTC-THTK ngày 05/5/2022) thực hiện gửi nhận văn bản điện tử từ các đơn vị trong ngành tài chính với Trục LTVB Quốc gia.

Tiếp theo công văn số 3930/BTC-THTK, Bộ Tài chính đăng ký và công bố danh sách 49 đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan và 714 đơn vị thuộc Kho bạc nhà nước gửi nhận văn bản điện tử với các đơn vị ngoài ngành qua Trục Liên thông văn bản Quốc gia (Danh sách đơn vị sẵn sàng gửi, nhận văn bản điện tử tại Phụ lục đính kèm).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý đơn vị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, THTK. *dh (4b)*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Văn Khăng**

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SẴN SÀNG GỬI/NHẬN VĂN BẢN QUA**  
**TRỰC LIÊN THÔNG VĂN BẢN QUỐC GIA**  
*(Kèm theo công văn số 1298/BTC-THTK ngày 27 / 11/2024 của Bộ Tài chính)*

**1. Danh sách 49 đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan đăng ký gửi, nhận liên thông**

STT	Mã định danh	Tên đơn vị
1	G12.34	Tổng cục Hải quan
2	G12.34.A1	Văn phòng Tổng cục Hải quan
3	G12.34.A3	Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan
4	G12.34.A4	Cục Điều tra chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan
5	G12.34.A4.001	Đội Điều tra Hình sự
6	G12.34.A4.002	Đội Quản lý, huấn luyện và sử dụng chó nghiệp vụ
7	G12.34.A4.003	Đội Kiểm soát chống buôn lậu khu vực miền Bắc (Đội 1)
8	G12.34.A4.004	Đội Kiểm soát chống buôn lậu khu vực miền Trung (Đội 2)
9	G12.34.A4.005	Đội Kiểm soát chống buôn lậu khu vực miền Nam (Đội 3)
10	G12.34.A4.006	Đội Kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (Đội 4)
11	G12.34.A4.007	Đội Kiểm soát chống buôn lậu ma túy khu vực miền Bắc (Đội 5)
12	G12.34.A4.008	Đội Kiểm soát chống buôn lậu ma túy khu vực miền Nam (Đội 6)
13	G12.34.A4.009	Hải đội Kiểm soát trên biển khu vực miền Bắc (Hải đội 1)
14	G12.34.A4.010	Hải đội Kiểm soát trên biển khu vực miền Trung (Hải đội 2)
15	G12.34.A4.011	Hải đội Kiểm soát trên biển khu vực miền Nam (Hải đội 3)
16	G12.34.A5	Cục Giám sát quản lý về hải quan - Tổng cục Hải quan
17	G12.34.A6	Cục Kiểm tra sau thông quan - Tổng cục Hải quan
18	G12.34.A7	Cục Thuế xuất nhập khẩu - Tổng cục Hải quan
19	G12.34.A8	Vụ Hợp tác quốc tế - Tổng cục Hải quan
20	G12.34.A9	Vụ Pháp chế - Tổng cục Hải quan
21	G12.34.B1	Cục Tài vụ - Quản trị - Tổng cục Hải quan
22	G12.34.B2	Vụ Thanh tra - Kiểm tra - Tổng cục Hải quan
23	G12.34.B3	Vụ Tổ chức cán bộ - Tổng cục Hải quan
24	G12.34.B4	Văn phòng Đảng và Đoàn thể cơ quan Tổng cục Hải quan

25	G12.34.B5	Cục Quản lý rủi ro - Tổng cục Hải quan
26	G12.34.B6	Ban Cải cách, hiện đại hóa hải quan - Tổng cục Hải quan
27	G12.34.C2	Cục Kiểm định hải quan - Tổng cục Hải quan
28	G12.34.C2.002	Chi cục Kiểm định hải quan 2 (trụ sở tại thành phố Hải phòng)
29	G12.34.C2.003	Chi cục Kiểm định hải quan 3 (trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh)
30	G12.34.C2.004	Chi cục Kiểm định hải quan 4 (trụ sở tại thành phố Đà Nẵng)
31	G12.34.C2.005	Chi cục Kiểm định hải quan 5 (trụ sở tại tỉnh Quảng Ninh)
32	G12.34.C2.006	Chi cục Kiểm định hải quan 6 (trụ sở tại tỉnh Lạng Sơn)
33	G12.34.C2.007	Chi cục Kiểm định hải quan khu vực Đông Nam Bộ
34	G12.34.C2.008	Chi cục Kiểm định hải quan khu vực cảng Cái Mép-Thị Vải
35	G12.34.C2.009	Trung tâm phân tích
36	G12.34.C3	Trường Hải quan Việt Nam
37	G12.34.C4	Viện Nghiên cứu Hải quan
38	G12.34.C5	Báo Hải quan
39	G12.34.22	Cục Hải quan Quảng Ninh
40	G12.34.22.001	Chi cục Kiểm tra sau thông quan
41	G12.34.22.002	Chi cục Hải quan cửa khẩu Móng Cái
42	G12.34.22.003	Chi cục Hải quan Bắc Phong Sinh
43	G12.34.22.004	Chi cục Hải quan cửa khẩu Hoàn Mô
44	G12.34.22.005	Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Vạn Gia
45	G12.34.22.006	Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hòn Gai
46	G12.34.22.007	Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Cẩm Phả
47	G12.34.22.009	Đội Kiểm soát hải quan số 1
48	G12.34.22.010	Đội Kiểm soát hải quan số 2
49	G12.34.22.011	Đội Kiểm soát phòng, chống ma túy

**2. Danh sách 714 đơn vị thuộc Kho bạc nhà nước đăng ký gửi, nhận liên thông**

STT	Mã định danh	Tên đơn vị
1	G12.12	Kho bạc Nhà nước
2	G12.12.01	Kho bạc Nhà nước Hà Nội
3	G12.12.01.001	KBNN Ba Đình
4	G12.12.01.002	KBNN Hoàn Kiếm
5	G12.12.01.003	KBNN Tây Hồ

6	G12.12.01.004	KBNN Long Biên
7	G12.12.01.005	KBNN Cầu Giấy
8	G12.12.01.006	KBNN Đông Đa
9	G12.12.01.007	KBNN Hai Bà Trưng
10	G12.12.01.008	KBNN Hoàng Mai
11	G12.12.01.009	KBNN Thanh Xuân
12	G12.12.01.010	KBNN Gia Lâm
13	G12.12.01.016	KBNN Sóc Sơn
14	G12.12.01.017	KBNN Đông Anh
15	G12.12.01.019	KBNN Nam Từ Liêm
16	G12.12.01.020	KBNN Thanh Trì
17	G12.12.01.021	KBNN Bắc Từ Liêm
18	G12.12.01.250	KBNN Mê Linh
19	G12.12.01.268	KBNN Hà Đông
20	G12.12.01.269	KBNN Thị xã Sơn Tây
21	G12.12.01.271	KBNN Ba Vì
22	G12.12.01.272	KBNN Phúc Thọ
23	G12.12.01.273	KBNN Đan Phượng
24	G12.12.01.274	KBNN Hoài Đức
25	G12.12.01.275	KBNN Quốc Oai
26	G12.12.01.276	KBNN Thạch Thất
27	G12.12.01.277	KBNN Chương Mỹ
28	G12.12.01.278	KBNN Thanh Oai
29	G12.12.01.279	KBNN Thường Tín
30	G12.12.01.280	KBNN Phú Xuyên
31	G12.12.01.281	KBNN Ứng Hòa
32	G12.12.01.282	KBNN Mỹ Đức
33	G12.12.01.908	KBNN An Biên
34	G12.12.01.909	KBNN An Minh
35	G12.12.01.910	KBNN Vĩnh Thuận
36	G12.12.02	Kho bạc Nhà nước Hà Giang
37	G12.12.02.026	KBNN Đông Văn
38	G12.12.02.027	KBNN Mèo Vạc
39	G12.12.02.028	KBNN Yên Minh
40	G12.12.02.029	KBNN Quản Bạ
41	G12.12.02.030	KBNN Vị Xuyên
42	G12.12.02.031	KBNN Bắc Mê
43	G12.12.02.032	KBNN Hoàng Su Phì
44	G12.12.02.033	KBNN Xín Mần
45	G12.12.02.034	KBNN Bắc Quang
46	G12.12.02.035	KBNN Quang Bình
47	G12.12.04	Kho bạc Nhà nước Cao Bằng

48	G12.12.04.042	KBNN Bảo Lâm
49	G12.12.04.043	KBNN Bảo Lạc
50	G12.12.04.045	KBNN Hà Quảng
51	G12.12.04.047	KBNN Trùng Khánh
52	G12.12.04.048	KBNN Hạ Lang
53	G12.12.04.051	KBNN Hoà An
54	G12.12.04.052	KBNN Nguyên Bình
55	G12.12.04.053	KBNN Thạch An
56	G12.12.04.054	KBNN Quảng Hòa
57	G12.12.06	Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn
58	G12.12.06.060	KBNN Pác Nặm
59	G12.12.06.061	KBNN Ba Bể
60	G12.12.06.062	KBNN Ngân Sơn
61	G12.12.06.063	KBNN Bạch Thông
62	G12.12.06.064	KBNN Chợ Đồn
63	G12.12.06.065	KBNN Chợ Mới
64	G12.12.06.066	KBNN Na Ri
65	G12.12.08	Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang
66	G12.12.08.071	KBNN Lâm Bình
67	G12.12.08.072	KBNN Nà Hang
68	G12.12.08.073	KBNN Chiêm Hóa
69	G12.12.08.074	KBNN Hàm Yên
70	G12.12.08.075	KBNN Yên Sơn
71	G12.12.08.076	KBNN Sơn Dương
72	G12.12.10	Kho bạc Nhà nước Lào Cai
73	G12.12.10.082	KBNN Bát Xát
74	G12.12.10.083	KBNN Mường Khương
75	G12.12.10.084	KBNN Si Ma Cai
76	G12.12.10.085	KBNN Bắc Hà
77	G12.12.10.086	KBNN Bảo Thắng
78	G12.12.10.087	KBNN Bảo Yên
79	G12.12.10.088	KBNN Sa Pa
80	G12.12.10.089	KBNN Văn Bàn
81	G12.12.11	Kho bạc Nhà nước Điện Biên
82	G12.12.11.095	KBNN Thị Xã Mường Lay
83	G12.12.11.096	KBNN Mường Nhé
84	G12.12.11.097	KBNN Mường Chà
85	G12.12.11.098	KBNN Tủa Chùa
86	G12.12.11.099	KBNN Tuần Giáo
87	G12.12.11.100	KBNN Điện Biên
88	G12.12.11.101	KBNN Điện Biên Đông
89	G12.12.11.102	KBNN Mường Ảng

90	G12.12.11.103	KBNN Nậm Pồ
91	G12.12.12	Kho bạc Nhà nước Lai Châu
92	G12.12.12.106	KBNN Tam Đường
93	G12.12.12.107	KBNN Mường Tè
94	G12.12.12.108	KBNN Sin Hồ
95	G12.12.12.109	KBNN Phong Thổ
96	G12.12.12.110	KBNN Than Uyên
97	G12.12.12.111	KBNN Tân Uyên
98	G12.12.12.112	KBNN Nậm Nhùn
99	G12.12.14	Kho bạc Nhà nước Sơn La
100	G12.12.14.118	KBNN Quỳnh Nhai
101	G12.12.14.119	KBNN Thuận Châu
102	G12.12.14.120	KBNN Mường La
103	G12.12.14.121	KBNN Bắc Yên
104	G12.12.14.122	KBNN Phù Yên
105	G12.12.14.123	KBNN Mộc Châu
106	G12.12.14.124	KBNN Yên Châu
107	G12.12.14.125	KBNN Mai Sơn
108	G12.12.14.126	KBNN Sông Mã
109	G12.12.14.127	KBNN Sốp Cộp
110	G12.12.14.128	KBNN Vân Hồ
111	G12.12.15	Kho bạc Nhà nước Yên Bái
112	G12.12.15.133	KBNN Thị xã Nghĩa Lộ
113	G12.12.15.135	KBNN Lục Yên
114	G12.12.15.136	KBNN Văn Yên
115	G12.12.15.137	KBNN Mù Cang Chải
116	G12.12.15.138	KBNN Trấn Yên
117	G12.12.15.139	KBNN Trạm Tấu
118	G12.12.15.140	KBNN Văn Chấn
119	G12.12.15.141	KBNN Yên Bình
120	G12.12.17	Kho bạc Nhà nước Hòa Bình
121	G12.12.17.150	KBNN Đà Bắc
122	G12.12.17.152	KBNN Lương Sơn
123	G12.12.17.153	KBNN Kim Bôi
124	G12.12.17.154	KBNN Cao Phong
125	G12.12.17.155	KBNN Tân Lạc
126	G12.12.17.156	KBNN Mai Châu
127	G12.12.17.157	KBNN Lạc Sơn
128	G12.12.17.158	KBNN Yên Thủy
129	G12.12.17.159	KBNN Lạc Thủy
130	G12.12.19	Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên
131	G12.12.19.165	KBNN Thị xã Sông Công

132	G12.12.19.167	KBNN Định Hóa
133	G12.12.19.168	KBNN Phú Lương
134	G12.12.19.169	KBNN Đông Hy
135	G12.12.19.170	KBNN Võ Nai
136	G12.12.19.171	KBNN Đại Từ
137	G12.12.19.172	KBNN Phổ Yên
138	G12.12.19.173	KBNN Phú Bình
139	G12.12.20	KBNN Lạng Sơn
140	G12.12.20.180	KBNN Trảng Định
141	G12.12.20.181	KBNN Bình Gia Tp. Lạch Sơn
142	G12.12.20.182	KBNN Văn Lãng
143	G12.12.20.183	KBNN Cao Lộc
144	G12.12.20.184	KBNN Văn Quan
145	G12.12.20.185	KBNN Bắc Sơn
146	G12.12.20.186	KBNN Hữu Lũng
147	G12.12.20.187	KBNN Chi Lăng
148	G12.12.20.188	KBNN Lộc Bình
149	G12.12.20.189	KBNN Đình Lập
150	G12.12.22	Kho bạc Nhà nước Quảng Ninh
151	G12.12.22.194	KBNN Thành phố Móng Cái
152	G12.12.22.195	KBNN Thành phố Cẩm Phả
153	G12.12.22.196	KBNN Thành phố Uông Bí
154	G12.12.22.198	KBNN Bình Liêu
155	G12.12.22.199	KBNN Tiên Yên
156	G12.12.22.200	KBNN Đầm Hà
157	G12.12.22.201	KBNN Hải Hà
158	G12.12.22.202	KBNN Ba Chẽ
159	G12.12.22.203	KBNN Vân Đồn
160	G12.12.22.205	KBNN Đông Triều
161	G12.12.22.206	KBNN Thị xã Quảng Yên
162	G12.12.22.207	KBNN Cô Tô
163	G12.12.24	Kho bạc Nhà nước Bắc Giang
164	G12.12.24.215	KBNN Yên Thế
165	G12.12.24.216	KBNN Tân Yên
166	G12.12.24.217	KBNN Lạng Giang
167	G12.12.24.218	KBNN Lục Nam
168	G12.12.24.219	KBNN Lục Ngạn
169	G12.12.24.220	KBNN Sơn Động
170	G12.12.24.221	KBNN Yên Dũng
171	G12.12.24.222	KBNN Việt Yên
172	G12.12.24.223	KBNN Hiệp Hòa
173	G12.12.25	Kho bạc Nhà nước Phú Thọ

174	G12.12.25.228	KBNN Thị xã Phú Thọ
175	G12.12.25.230	KBNN Đoan Hùng
176	G12.12.25.231	KBNN Hạ Hoà
177	G12.12.25.232	KBNN Thanh Ba
178	G12.12.25.233	KBNN Phù Ninh
179	G12.12.25.234	KBNN Yên Lập
180	G12.12.25.236	KBNN Tam Nông
181	G12.12.25.237	KBNN Lâm Thao
182	G12.12.25.238	KBNN Thanh Sơn
183	G12.12.25.239	KBNN Thanh Thủy
184	G12.12.25.240	KBNN Tân Sơn
185	G12.12.252.35	KBNN Cẩm Khê
186	G12.12.26	Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc
187	G12.12.26.244	KBNN Thị xã Phúc Yên
188	G12.12.26.246	KBNN Lập Thạch
189	G12.12.26.247	KBNN Tam Dương
190	G12.12.26.248	KBNN Tam Đảo
191	G12.12.26.249	KBNN Bình Xuyên
192	G12.12.26.251	KBNN Yên Lạc
193	G12.12.26.252	KBNN Vĩnh Tường
194	G12.12.26.253	KBNN Sông Lô
195	G12.12.27	Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh
196	G12.12.27.258	KBNN Yên Phong
197	G12.12.27.259	KBNN Quế Võ
198	G12.12.27.260	KBNN Tiên Du
199	G12.12.27.261	KBNN Thị xã Từ Sơn
200	G12.12.27.262	KBNN Thuận Thành
201	G12.12.27.263	KBNN Gia Bình
202	G12.12.27.264	KBNN Lương Tài
203	G12.12.30	Kho bạc Nhà nước Hải Dương
204	G12.12.30.290	KBNN Thị xã Chí Linh
205	G12.12.30.291	KBNN Nam Sách
206	G12.12.30.292	KBNN Kinh Môn
207	G12.12.30.293	KBNN Kim Thành
208	G12.12.30.294	KBNN Thanh Hà
209	G12.12.30.295	KBNN Cẩm Giàng
210	G12.12.30.296	KBNN Bình Giang
211	G12.12.30.297	KBNN Gia Lộc
212	G12.12.30.298	KBNN Tứ Kỳ
213	G12.12.30.299	KBNN Ninh Giang
214	G12.12.30.300	KBNN Thanh Miện
215	G12.12.31	Kho bạc Nhà nước Hải Phòng

216	G12.12.31.303	KBNN Hồng Bàng
217	G12.12.31.305	KBNN Lê Chân
218	G12.12.31.306	KBNN Hải An
219	G12.12.31.307	KBNN Kiến An
220	G12.12.31.308	KBNN Đồ Sơn
221	G12.12.31.309	KBNN Dương Kinh
222	G12.12.31.311	KBNN Thủy Nguyên
223	G12.12.31.312	KBNN An Dương
224	G12.12.31.313	KBNN An Lão
225	G12.12.31.314	KBNN Kiến Thụy
226	G12.12.31.315	KBNN Tiên Lãng
227	G12.12.31.316	KBNN Vĩnh Bảo
228	G12.12.31.317	KBNN Cát Hải
229	G12.12.33	Kho bạc Nhà nước Hưng Yên
230	G12.12.33.325	KBNN Văn Lâm
231	G12.12.33.326	KBNN Văn Giang
232	G12.12.33.327	KBNN Yên Mỹ
233	G12.12.33.328	KBNN Mỹ Hào
234	G12.12.33.329	KBNN Ân Thi
235	G12.12.33.330	KBNN Khoái Châu
236	G12.12.33.331	KBNN Kim Động
237	G12.12.33.332	KBNN Tiên Lữ
238	G12.12.33.333	KBNN Phù Cừ
239	G12.12.34	Kho bạc Nhà nước Thái Bình
240	G12.12.34.338	KBNN Quỳnh Phụ
241	G12.12.34.339	KBNN Hưng Hà
242	G12.12.34.340	KBNN Đông Hưng
243	G12.12.34.341	KBNN Thái Thụy
244	G12.12.34.342	KBNN Tiên Hải
245	G12.12.34.343	KBNN Kiến Xương
246	G12.12.34.344	KBNN Vũ Thư
247	G12.12.35	Kho bạc Nhà nước Hà Nam
248	G12.12.35.349	KBNN Duy Tiên
249	G12.12.35.350	KBNN Kim Bảng
250	G12.12.35.351	KBNN Thanh Liêm
251	G12.12.35.352	KBNN Bình Lục
252	G12.12.35.353	KBNN Lý Nhân
253	G12.12.36	Kho bạc Nhà nước Nam Định
254	G12.12.36.359	KBNN Vụ Bản
255	G12.12.36.360	KBNN Ý Yên
256	G12.12.36.361	KBNN Nghĩa Hưng
257	G12.12.36.362	KBNN Nam Trực

258	G12.12.36.363	KBNN Trục Ninh
259	G12.12.36.364	KBNN Xuân Trường
260	G12.12.36.365	KBNN Giao Thủy
261	G12.12.36.366	KBNN Hải Hậu
262	G12.12.37	Kho bạc Nhà nước Ninh Bình
263	G12.12.37.370	KBNN Thị xã Tam Điệp
264	G12.12.37.372	KBNN Nho Quan
265	G12.12.37.373	KBNN Gia Viễn
266	G12.12.37.375	KBNN Yên Khánh
267	G12.12.37.376	KBNN Kim Sơn
268	G12.12.37.377	KBNN Yên Mô
269	G12.12.38	Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa
270	G12.12.38.381	KBNN Thị xã Bim Sơn
271	G12.12.38.382	KBNN Thị xã Sầm Sơn
272	G12.12.38.384	KBNN Mường Lát
273	G12.12.38.385	KBNN Quan Hóa
274	G12.12.38.386	KBNN Bá Thước
275	G12.12.38.387	KBNN Quan Sơn
276	G12.12.38.388	KBNN Lang Chánh
277	G12.12.38.389	KBNN Ngọc Lặc
278	G12.12.38.390	KBNN Cẩm Thủy
279	G12.12.38.391	KBNN Thạch Thành
280	G12.12.38.392	KBNN Hà Trung
281	G12.12.38.393	KBNN Vĩnh Lộc
282	G12.12.38.394	KBNN Yên Định
283	G12.12.38.395	KBNN Thọ Xuân
284	G12.12.38.396	KBNN Thường Xuân
285	G12.12.38.397	KBNN Triệu Sơn
286	G12.12.38.398	KBNN Thiệu Hóa
287	G12.12.38.399	KBNN Hoằng Hóa
288	G12.12.38.400	KBNN Hậu Lộc
289	G12.12.38.401	KBNN Nga Sơn
290	G12.12.38.402	KBNN Như Xuân
291	G12.12.38.403	KBNN Như Thanh
292	G12.12.38.404	KBNN Nông Cống
293	G12.12.38.406	KBNN Quảng Xương
294	G12.12.38.408	KBNN Nghi Sơn
295	G12.12.40	Kho bạc Nhà nước Nghệ An
296	G12.12.40.413	KBNN Thị xã Cửa Lò
297	G12.12.40.414	KBNN Thị xã Thái Hòa
298	G12.12.40.415	KBNN Quế Phong
299	G12.12.40.417	KBNN Kỳ Sơn

300	G12.12.40.418	KBNN Tương Dương
301	G12.12.40.419	KBNN Nghĩa Đàn
302	G12.12.40.420	KBNN Quỳnh Hợp
303	G12.12.40.421	KBNN Quỳnh Lưu
304	G12.12.40.422	KBNN Con Cuông
305	G12.12.40.423	KBNN Tân Kỳ
306	G12.12.40.424	KBNN Anh Sơn
307	G12.12.40.425	KBNN Diễn Châu
308	G12.12.40.426	KBNN Yên Thành
309	G12.12.40.427	KBNN Đô Lương
310	G12.12.40.428	KBNN Thanh Chương
311	G12.12.40.429	KBNN Nghi Lộc
312	G12.12.40.430	KBNN Nam Đàn
313	G12.12.40.431	KBNN Hưng Nguyên
314	G12.12.40.432	KBNN Thị xã Hoàng Mai
315	G12.12.40.416	KBNN Quỳnh Châu
316	G12.12.42	Kho bạc Nhà nước Hà Tĩnh
317	G12.12.42.437	KBNN Thị xã Hồng Lĩnh
318	G12.12.42.439	KBNN Hương Sơn
319	G12.12.42.440	KBNN Đức Thọ
320	G12.12.42.441	KBNN Vũ Quang
321	G12.12.42.442	KBNN Nghi Xuân
322	G12.12.42.443	KBNN Can Lộc
323	G12.12.42.444	KBNN Hương Khê
324	G12.12.42.446	KBNN Cẩm Xuyên
325	G12.12.42.447	KBNN Kỳ Anh
326	G12.12.42.448	KBNN Lộc Hà
327	G12.12.42.449	KBNN Thị Xã Kỳ Anh
328	G12.12.44	Kho bạc Nhà nước Quảng Bình
329	G12.12.44.452	KBNN Minh Hóa
330	G12.12.44.453	KBNN Tuyên Hóa
331	G12.12.44.454	KBNN Thị xã Ba Đồn
332	G12.12.44.455	KBNN Bố Trạch
333	G12.12.44.456	KBNN Quảng Ninh
334	G12.12.44.457	KBNN Lệ Thủy
335	G12.12.44.458	KBNN Quảng Trạch
336	G12.12.446.481	KBNN A Lưới
337	G12.12.45	Kho bạc Nhà nước Quảng Trị
338	G12.12.45.462	KBNN Thị xã Quảng Trị
339	G12.12.45.464	KBNN Vĩnh Linh
340	G12.12.45.465	KBNN Hướng Hóa
341	G12.12.45.466	KBNN Gio Linh

342	G12.12.45.467	KBNN Đa Krông
343	G12.12.45.468	KBNN Cam Lộ
344	G12.12.45.469	KBNN Triệu Phong
345	G12.12.45.470	KBNN Hải Lăng
346	G12.12.46	Kho bạc Nhà nước Thừa Thiên Huế
347	G12.12.46.476	KBNN Phong Điền
348	G12.12.46.477	KBNN Quảng Điền
349	G12.12.46.478	KBNN Phú Vang
350	G12.12.46.479	KBNN Thị xã Hương Thủy
351	G12.12.46.480	KBNN Thị xã Hương Trà
352	G12.12.46.482	KBNN Phú Lộc
353	G12.12.46.483	KBNN Nam Đông
354	G12.12.48	KBNN Đà Nẵng
355	G12.12.48.490	KBNN Liên Chiểu
356	G12.12.48.491	KBNN Thanh Khê
357	G12.12.48.493	KBNN Sơn Trà
358	G12.12.48.494	KBNN Ngũ Hành Sơn
359	G12.12.48.495	KBNN Cẩm Lệ
360	G12.12.48.497	KBNN Hòa Vang
361	G12.12.49	KBNN Quảng Nam
362	G12.12.49.503	KBNN Thành phố Hội An
363	G12.12.49.504	KBNN Tây Giang
364	G12.12.49.505	KBNN Đông Giang
365	G12.12.49.506	KBNN Đại Lộc
366	G12.12.49.507	KBNN Điện Bàn
367	G12.12.49.508	KBNN Duy Xuyên
368	G12.12.49.509	KBNN Quế Sơn
369	G12.12.49.510	KBNN Nam Giang
370	G12.12.49.511	KBNN Phước Sơn
371	G12.12.49.512	KBNN Hiệp Đức
372	G12.12.49.513	KBNN Thăng Bình
373	G12.12.49.514	KBNN Tiên Phước
374	G12.12.49.515	KBNN Bắc Trà My
375	G12.12.49.516	KBNN Nam Trà My
376	G12.12.49.517	KBNN Núi Thành
377	G12.12.49.518	KBNN Phú Ninh
378	G12.12.49.519	KBNN Nông Sơn
379	G12.12.51	Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi
380	G12.12.51.524	KBNN Bình Sơn
381	G12.12.51.525	KBNN Trà Bông
382	G12.12.51.527	KBNN Sơn Tịnh
383	G12.12.51.528	KBNN Tư Nghĩa

384	G12.12.51.529	KBNN Sơn Hà
385	G12.12.51.530	KBNN Sơn Tây
386	G12.12.51.531	KBNN Minh Long
387	G12.12.51.532	KBNN Nghĩa Hành
388	G12.12.51.533	KBNN Mộ Đức
389	G12.12.51.534	KBNN Đức Phổ
390	G12.12.51.535	KBNN Ba Tơ
391	G12.12.51.536	KBNN Lý Sơn
392	G12.12.52	Kho bạc Nhà nước Bình Định
393	G12.12.52.542	KBNN An Lão
394	G12.12.52.543	KBNN Hoài Nhơn
395	G12.12.52.544	KBNN Hoài Ân
396	G12.12.52.545	KBNN Phù Mỹ
397	G12.12.52.546	KBNN Vĩnh Thạnh
398	G12.12.52.547	KBNN Tây Sơn
399	G12.12.52.548	KBNN Phù Cát
400	G12.12.52.549	KBNN Thị xã An Nhơn
401	G12.12.52.550	KBNN Tuy Phước
402	G12.12.52.551	KBNN Vân Canh
403	G12.12.54	Kho bạc Nhà nước Phú Yên
404	G12.12.54.557	KBNN Thị xã Sông Cầu
405	G12.12.54.558	KBNN Đông Xuân
406	G12.12.54.559	KBNN Tuy An
407	G12.12.54.560	KBNN Sơn Hòa
408	G12.12.54.561	KBNN Sông Hinh
409	G12.12.54.562	KBNN Tây Hòa
410	G12.12.54.563	KBNN Phú Hoà
411	G12.12.54.564	KBNN Đông Hòa
412	G12.12.56	Kho bạc Nhà nước Khánh Hòa
413	G12.12.56.569	KBNN Thành phố Cam Ranh
414	G12.12.56.570	KBNN Cam Lâm
415	G12.12.56.571	KBNN Vạn Ninh
416	G12.12.56.572	KBNN Thị xã Ninh Hòa
417	G12.12.56.573	KBNN Khánh Vĩnh
418	G12.12.56.574	KBNN Diên Khánh
419	G12.12.56.575	KBNN Khánh Sơn
420	G12.12.58	KBNN Ninh Thuận
421	G12.12.58.584	KBNN Bác Ái
422	G12.12.58.585	KBNN Ninh Sơn
423	G12.12.58.586	KBNN Ninh Hải
424	G12.12.58.587	KBNN Ninh Phước
425	G12.12.58.588	KBNN Thuận Bắc

426	G12.12.58.589	KBNN Thuận Nam
427	G12.12.60	Kho bạc Nhà nước Bình Thuận
428	G12.12.60.594	KBNN Thị xã La Gi
429	G12.12.60.595	KBNN Tuy Phong
430	G12.12.60.596	KBNN Bắc Bình
431	G12.12.60.597	KBNN Hàm Thuận Bắc
432	G12.12.60.598	KBNN Hàm Thuận Nam
433	G12.12.60.599	KBNN Tánh Linh
434	G12.12.60.600	KBNN Đức Linh
435	G12.12.60.601	KBNN Hàm Tân
436	G12.12.60.602	KBNN Phú Quý
437	G12.12.62	Kho bạc Nhà nước Kon Tum
438	G12.12.62.610	KBNN Đăk Gie
439	G12.12.62.611	KBNN Ngọc Hồi
440	G12.12.62.612	KBNN Đăk Tô
441	G12.12.62.613	KBNN Kon Plông
442	G12.12.62.614	KBNN Kon Rẫy
443	G12.12.62.615	KBNN Đăk Hà
444	G12.12.62.616	KBNN Sa Thầy
445	G12.12.62.617	KBNN Tu Mơ Rông
446	G12.12.62.618	KBNN Ia Hdrai
447	G12.12.64	Kho bạc Nhà nước Gia Lai
448	G12.12.64.623	KBNN Thị xã An Khê
449	G12.12.64.624	KBNN Thị xã Ayun Pa
450	G12.12.64.625	KBNN KBang
451	G12.12.64.626	KBNN Đăk Đoa
452	G12.12.64.627	KBNN Chư Păh
453	G12.12.64.628	KBNN Ia Grai
454	G12.12.64.629	KBNN Mang Yang
455	G12.12.64.630	KBNN Kông Chro
456	G12.12.64.631	KBNN Đức Cơ
457	G12.12.64.632	KBNN Chư Prông
458	G12.12.64.633	KBNN Chư Sê
459	G12.12.64.634	KBNN Đăk Pơ
460	G12.12.64.635	KBNN Ia Pa
461	G12.12.64.637	KBNN Krông Pa
462	G12.12.64.638	KBNN Phú Thiện
463	G12.12.64.639	KBNN Chư Puh
464	G12.12.66	KBNN Đăk Lăk
465	G12.12.66.644	KBNN Thị Xã Buôn Hồ
466	G12.12.66.645	KBNN Ea H'leo
467	G12.12.66.646	KBNN Ea Súp

468	G12.12.66.647	KBNN Buôn Đôn
469	G12.12.66.648	KBNN Cư M'gar
470	G12.12.66.649	KBNN Krông Búk
471	G12.12.66.650	KBNN Krông Năng
472	G12.12.66.651	KBNN Ea Kar
473	G12.12.66.652	KBNN M'Đrắk
474	G12.12.66.653	KBNN Krông Bông
475	G12.12.66.654	KBNN Krông Pắc
476	G12.12.66.655	KBNN Krông A Na
477	G12.12.66.656	KBNN Lắk
478	G12.12.66.657	KBNN Cư Kuin
479	G12.12.67	Kho bạc Nhà nước Đắk Nông
480	G12.12.67.661	KBNN Đắk Glong
481	G12.12.67.662	KBNN Cư Jút
482	G12.12.67.663	KBNN Đắk Mil
483	G12.12.67.664	KBNN Krông Nô
484	G12.12.67.665	KBNN Đắk Song
485	G12.12.67.666	KBNN Đắk R'Lấp
486	G12.12.67.667	KBNN Tuy Đức
487	G12.12.68	KBNN Lâm Đồng
488	G12.12.68.673	KBNN Thành phố Bảo Lộc
489	G12.12.68.674	KBNN Đam Rông
490	G12.12.68.675	KBNN Lạc Dương
491	G12.12.68.676	KBNN Lâm Hà
492	G12.12.68.677	KBNN Đơn Dương
493	G12.12.68.678	KBNN Đức Trọng
494	G12.12.68.679	KBNN Di Linh
495	G12.12.68.680	KBNN Bảo Lâm
496	G12.12.68.681	KBNN Đạ Huoai
497	G12.12.68.682	KBNN Đạ Tẻh
498	G12.12.68.683	KBNN Cát Tiên
499	G12.12.70	Kho bạc Nhà nước Bình Phước
500	G12.12.70.688	KBNN Thị xã Phước Long
501	G12.12.70.690	KBNN Thị xã Bình Long
502	G12.12.70.691	KBNN Bù Gia Mập
503	G12.12.70.692	KBNN Lộc Ninh
504	G12.12.70.693	KBNN Bù Đốp
505	G12.12.70.694	KBNN Hớn Quản
506	G12.12.70.695	KBNN Đồng Phú
507	G12.12.70.696	KBNN Bù Đăng
508	G12.12.70.697	KBNN Chơn Thành
509	G12.12.70.698	KBNN Phú Riêng - Bình Phước

510	G12.12.72	Kho bạc Nhà nước Tây Ninh
511	G12.12.72.705	KBNN Tân Biên
512	G12.12.72.706	KBNN Tân Châu
513	G12.12.72.707	KBNN Dương Minh Châu
514	G12.12.72.708	KBNN Châu Thành
515	G12.12.72.710	KBNN Gò Dầu
516	G12.12.72.711	KBNN Bến Cầu
517	G12.12.72.712	KBNN Trảng Bàng
518	G12.12.74	Kho bạc Nhà nước Bình Dương
519	G12.12.74.719	KBNN Bàu Bàng
520	G12.12.74.720	KBNN Dầu Tiếng
521	G12.12.74.721	KBNN Thị xã Bến Cát
522	G12.12.74.722	KBNN Phú Giáo
523	G12.12.74.723	KBNN Thị xã Tân Uyên
524	G12.12.74.724	KBNN Thị xã Dĩ An
525	G12.12.74.725	KBNN Thị xã Thuận An
526	G12.12.74.726	KBNN Bắc Tân Uyên
527	G12.12.75	Kho bạc Nhà nước Đồng Nai
528	G12.12.75.732	KBNN Thị xã Long Khánh
529	G12.12.75.734	KBNN Tân Phú
530	G12.12.75.735	KBNN Vĩnh Cửu
531	G12.12.75.736	KBNN Định Quán
532	G12.12.75.737	KBNN Trảng Bom
533	G12.12.75.738	KBNN Thống Nhất
534	G12.12.75.739	KBNN Cẩm Mỹ
535	G12.12.75.740	KBNN Long Thành
536	G12.12.75.742	KBNN Nhơn Trạch
537	G12.12.77	Kho bạc Nhà nước Bà Rịa - Vũng Tàu
538	G12.12.77.747	KBNN Thành phố Vũng Tàu
539	G12.12.77.750	KBNN Châu Đức
540	G12.12.77.751	KBNN Xuyên Mộc
541	G12.12.77.752	KBNN Long Điền
542	G12.12.77.753	KBNN Đất Đỏ
543	G12.12.77.755	KBNN Côn Đảo
544	G12.12.77.756	KBNN Phú Mỹ - Bà Rịa Vũng Tàu
545	G12.12.77.741	KBNN Xuân Lộc
546	G12.12.79	Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh
547	G12.12.79.760	KBNN Quận 1
548	G12.12.79.761	KBNN Quận 12
549	G12.12.79.762	KBNN Thủ Đức
550	G12.12.79.764	KBNN Gò Vấp
551	G12.12.79.765	KBNN Bình Thạnh

552	G12.12.79.766	KBNN Tân Bình
553	G12.12.79.767	KBNN Tân Phú
554	G12.12.79.768	KBNN Phú Nhuận
555	G12.12.79.770	KBNN Quận 3
556	G12.12.79.771	KBNN Quận 10
557	G12.12.79.772	KBNN Quận 11
558	G12.12.79.773	KBNN Quận 4
559	G12.12.79.774	KBNN Quận 5
560	G12.12.79.775	KBNN Quận 6
561	G12.12.79.776	KBNN Quận 8
562	G12.12.79.777	KBNN Bình Tân
563	G12.12.79.778	KBNN Quận 7
564	G12.12.79.783	KBNN Củ Chi
565	G12.12.79.784	KBNN Hóc Môn
566	G12.12.79.785	KBNN Bình Chánh
567	G12.12.79.786	KBNN Nhà Bè
568	G12.12.79.787	KBNN Cần Giờ
569	G12.12.80	Kho bạc Nhà nước Long An
570	G12.12.80.795	KBNN Thị xã Kiến Tường
571	G12.12.80.796	KBNN Tân Hưng
572	G12.12.80.797	KBNN Vĩnh Hưng
573	G12.12.80.798	KBNN Mộc Hóa
574	G12.12.80.799	KBNN Tân Thạnh
575	G12.12.80.800	KBNN Thạnh Hóa
576	G12.12.80.801	KBNN Đức Huệ
577	G12.12.80.802	KBNN Đức Hòa
578	G12.12.80.803	KBNN Bến Lức
579	G12.12.80.804	KBNN Thủ Thừa
580	G12.12.80.805	KBNN Tân Trụ
581	G12.12.80.806	KBNN Cần Đước
582	G12.12.80.807	KBNN Cần Giuộc
583	G12.12.80.808	KBNN Châu Thành
584	G12.12.82	Kho bạc Nhà nước Tiền Giang
585	G12.12.82.816	KBNN Thị xã Gò Công
586	G12.12.82.817	KBNN Cai Lậy
587	G12.12.82.818	KBNN Tân Phước
588	G12.12.82.819	KBNN Cái Bè
589	G12.12.82.820	KBNN Thị xã Cai Lậy
590	G12.12.82.821	KBNN Châu Thành
591	G12.12.82.822	KBNN Chợ Gạo
592	G12.12.82.823	KBNN Gò Công Tây
593	G12.12.82.824	KBNN Gò Công Đông

594	G12.12.82.825	KBNN Tân Phú Đông
595	G12.12.83	KBNN Bến Tre
596	G12.12.83.831	KBNN Châu Thành
597	G12.12.83.832	KBNN Chợ Lách
598	G12.12.83.833	KBNN Mỏ Cày Nam
599	G12.12.83.834	KBNN Giồng Trôm
600	G12.12.83.835	KBNN Bình Đại
601	G12.12.83.836	KBNN Ba Tri
602	G12.12.83.837	KBNN Thạnh Phú
603	G12.12.83.838	KBNN Mỏ Cày Bắc
604	G12.12.84	KBNN Trà Vinh
605	G12.12.84.844	KBNN Càng Long
606	G12.12.84.845	KBNN Cầu Kè
607	G12.12.84.846	KBNN Tiểu Cần
608	G12.12.84.847	KBNN Châu Thành
609	G12.12.84.848	KBNN Cầu Ngang
610	G12.12.84.849	KBNN Trà Cú
611	G12.12.84.850	KBNN Duyên Hải
612	G12.12.84.851	KBNN thị xã Duyên Hải - Trà Vinh
613	G12.12.86	KBNN Vĩnh Long
614	G12.12.86.857	KBNN Long Hồ
615	G12.12.86.858	KBNN Mang Thít
616	G12.12.86.859	KBNN Vũng Liêm
617	G12.12.86.860	KBNN Tam Bình
618	G12.12.86.861	KBNN Thị xã Bình Minh
619	G12.12.86.862	KBNN Trà Ôn
620	G12.12.86.863	KBNN Bình Tân
621	G12.12.87	Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp
622	G12.12.87.867	KBNN Thành phố Sa Đéc
623	G12.12.87.868	KBNN Thị xã Hồng Ngự
624	G12.12.87.869	KBNN Tân Hồng
625	G12.12.87.870	KBNN Hồng Ngự
626	G12.12.87.871	KBNN Tam Nông
627	G12.12.87.872	KBNN Tháp Mười
628	G12.12.87.873	KBNN Cao Lãnh
629	G12.12.87.874	KBNN Thanh Bình
630	G12.12.87.875	KBNN Lấp Vò
631	G12.12.87.876	KBNN Lai Vung
632	G12.12.87.877	KBNN Châu Thành
633	G12.12.89	KBNN An Giang
634	G12.12.89.884	KBNN Châu Đốc
635	G12.12.89.886	KBNN An Phú

636	G12.12.89.887	KBNN Thị xã Tân Châu
637	G12.12.89.888	KBNN Phú Tân
638	G12.12.89.889	KBNN Châu Phú
639	G12.12.89.890	KBNN Tịnh Biên
640	G12.12.89.891	KBNN Tri Tôn
641	G12.12.89.892	KBNN Châu Thành
642	G12.12.89.893	KBNN Chợ Mới
643	G12.12.89.894	KBNN Thoại Sơn
644	G12.12.91	Kho bạc Nhà nước Kiên Giang
645	G12.12.91.900	KBNN Thị xã Hà Tiên
646	G12.12.91.902	KBNN Kiên Lương
647	G12.12.91.903	KBNN Hòn Đất
648	G12.12.91.904	KBNN Tân Hiệp
649	G12.12.91.905	KBNN Châu Thành
650	G12.12.91.906	KBNN Giồng Riềng
651	G12.12.91.907	KBNN Gò Quao
652	G12.12.91.911	KBNN Phú Quốc
653	G12.12.91.912	KBNN Kiên Hải
654	G12.12.91.913	KBNN U Minh Thượng
655	G12.12.91.914	KBNN Giang Thành
656	G12.12.92	Kho bạc Nhà nước Cần Thơ
657	G12.12.92.916	KBNN Ninh Kiều
658	G12.12.92.917	KBNN Ô Môn
659	G12.12.92.918	KBNN Bình Thủy
660	G12.12.92.919	KBNN Cái Răng
661	G12.12.92.923	KBNN Thốt Nốt
662	G12.12.92.924	KBNN Vĩnh Thạnh
663	G12.12.92.925	KBNN Cờ Đỏ
664	G12.12.92.926	KBNN Phong Điền
665	G12.12.92.927	KBNN Thới Lai
666	G12.12.93	Kho bạc Nhà nước Hậu Giang
667	G12.12.93.931	KBNN Thị xã Ngã Bảy
668	G12.12.93.932	KBNN Châu Thành A
669	G12.12.93.933	KBNN Châu Thành
670	G12.12.93.934	KBNN Phụng Hiệp
671	G12.12.93.935	KBNN Vị Thủy
672	G12.12.93.936	KBNN Long Mỹ
673	G12.12.93.937	KBNN Thị xã Long Mỹ - Hậu Giang
674	G12.12.94	Kho bạc Nhà nước Sóc Trăng
675	G12.12.94.942	KBNN Châu Thành
676	G12.12.94.943	KBNN Kế Sách
677	G12.12.94.944	KBNN Mỹ Tú

678	G12.12.94.945	KBNN Cù Lao Dung
679	G12.12.94.946	KBNN Long Phú
680	G12.12.94.947	KBNN Mỹ Xuyên
681	G12.12.94.948	KBNN Thị xã Ngã Năm
682	G12.12.94.949	KBNN Thạnh Trị
683	G12.12.94.950	KBNN Thị xã Vĩnh Châu
684	G12.12.94.951	KBNN Trần Đề
685	G12.12.95	Kho bạc Nhà nước Bạc Liêu
686	G12.12.95.956	KBNN Hồng Dân
687	G12.12.95.957	KBNN Phước Long
688	G12.12.95.958	KBNN Vĩnh Lợi
689	G12.12.95.959	KBNN Giá Rai
690	G12.12.95.960	KBNN Đông Hải
691	G12.12.95.961	KBNN Hoà Bình
692	G12.12.96	Kho bạc Nhà nước Cà Mau
693	G12.12.96.966	KBNN U Minh
694	G12.12.96.967	KBNN Thới Bình
695	G12.12.96.968	KBNN Trần Văn Thờ
696	G12.12.96.969	KBNN Cái Nước
697	G12.12.96.970	KBNN Đầm Dơi
698	G12.12.96.971	KBNN Năm Căn
699	G12.12.96.972	KBNN Phú Tân
700	G12.12.96.973	KBNN Ngọc Hiển
701	G12.12.A1	Văn phòng Kho bạc Nhà nước
702	G12.12.A3	Cục Công nghệ thông tin - Kho bạc Nhà nước Trung ương
703	G12.12.A4	Vụ Tổng hợp - Pháp chế - Kho bạc Nhà nước Trung ương
704	G12.12.A5	Vụ Kiểm soát chi ngân sách Nhà nước - Kho bạc Nhà nước Trung ương
705	G12.12.A6	Vụ Huy động vốn - Kho bạc Nhà nước Trung ương
706	G12.12.A7	Vụ Kế toán Nhà nước - Kho bạc Nhà nước Trung ương
707	G12.12.A8	Vụ Kho quỹ - Kho bạc Nhà nước Trung ương
708	G12.12.A9	Vụ Hợp tác quốc tế - Kho bạc Nhà nước Trung ương
709	G12.12.B1	Vụ Tổ chức cán bộ - Kho bạc Nhà nước Trung ương
710	G12.12.B2	Vụ Tài vụ - Quản trị - Kho bạc Nhà nước Trung ương
711	G12.12.B3	Vụ Thanh tra - Kho bạc Nhà nước Trung ương

712	G12.12.B4	Sở Giao dịch - Kho bạc Nhà nước Trung ương
713	G12.12.B5	Trường nghiệp vụ Kho bạc
714	G12.12.B6	Tạp chí Quản lý ngân quỹ Quốc gia